

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH	6
CHƯƠNG I	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên chủ dự án đầu tư:	7
2. Tên dự án đầu tư:	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	10
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	11
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	12
CHƯƠNG II	14
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	14
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	14
CHƯƠNG III	17
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	17
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	17
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	17
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	17

1.3. Xử lý nước thải:.....	19
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):.....	27
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	28
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	30
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có);	30
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):	30
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):.....	30
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	31
CHƯƠNG IV	33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	33
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):	34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):	34
4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):	34
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):	34
CHƯƠNG V	35
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN...35	
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	35
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	35
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	35

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	37
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	37
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	37
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.	37
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.	37
CHƯƠNG VI	38
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	38
PHỤ LỤC BÁO CÁO	40

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 ⁰ C, 5 ngày
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
CP	: Cổ phần
NĐ-CP	: Nghị định chính phủ
GPMT	: Giấy phép môi trường
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải.
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban Nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải
VSV	: Vi sinh vật
Tổng N	: Tổng nitơ
Tổng P	: Tổng photpho
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
KPH	: Không phát hiện
TNMT	: Tài nguyên môi trường
VHTN	: Vận hành thử nghiệm

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.	Cơ cấu sử dụng đất của Dự án	9
Bảng 2.	Nhiên liệu, hóa chất sử dụng của Dự án	11
Bảng 3.	Nhu cầu sử dụng nước của Dự án	12
Bảng 4.	Bảng kê tọa độ địa lý ranh giới dự án	13
Bảng 5.	Kết quả phân tích chất lượng nước biển ven bờ.....	15
Bảng 6.	Tọa độ vị trí xả nước thải.....	18
Bảng 7.	Bảng kích thước cụm bể xử lý nước thải.....	23
Bảng 8.	Bảng danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải	24
Bảng 9.	Bảng chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại.....	28
Bảng 10.	Bảng các nội dung thay đổi của dự án so với quyết định phê duyệt đánh giá tác động động môi trường.....	31
Bảng 11.	Tọa độ vị trí xả nước thải.....	34
Bảng 12.	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	35
Bảng 13.	Chương trình vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m ³ /ngày.đêm của Dự án	36
Bảng 14.	Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	37

DANH MỤC HÌNH

- Hình 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Dự án..... 19*
- Hình 2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải..... 20*

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH SAO MAI ANH

- Địa chỉ văn phòng: Số 174 đường 23/10, phường Phương Sơn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư là ông: Lương Anh Kỳ, chức danh: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 0258.3825610;

Fax: 0258.3811665;

- E-mail: saomaianh@dng.vnn.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200284282 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/09/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 01/07/2021.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000623 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/05/2015.

2. Tên dự án đầu tư:

SAO MAI ANH RESORT

(Sau đây gọi tắt là Dự án)

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Khu B – Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ Công văn số 4999/UBND-XDNĐ ngày 31/07/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thỏa thuận điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch khu B (Sao Mai Anh Resort) thuộc Dự án Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, thành phố Nha Trang.

+ Công văn số 8157/UBND-XDNĐ ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án quy hoạch, kiến trúc khu B (Sao Mai Anh Resort) thuộc Dự án Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, thành phố Nha Trang.

+ Giấy phép xây dựng số 120/GPXD-SXD ngày 29/08/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp.

+ Văn bản số 7793/UBND-XDND ngày 03/08/20220 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch dự án Sao Mai Anh Resort, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang.

+ Văn bản số 3077/SXD-KTQH ngày 22/09/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế dự án(điều chỉnh) dự án Sao Mai Anh resort, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang.

+ Văn bản số 4123/SXD-KTQH ngày 02/12/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) và đánh giá điều kiện để miễn giấy phép xây dựng công trình Nhà trung tâm thuộc dự án Sao Mai Anh resort, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang.

+ Văn bản số 241/NT-PCCC ngày 25/02/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an tỉnh Khánh Hòa về việc chấp nhận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 08/06/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Sao Mai Anh Resort” tại Khu B - Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

+ Văn bản số 4675/STNMT-CCBVM ngày 03/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về việc xin điều chỉnh một số nội dung so với hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sao Mai Anh Resort”.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức đầu tư là 50 tỷ đồng thuộc Nhóm B theo Khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2019.

Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Dự án thuộc phân loại nhóm II tại Mục số I.2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Dự án đã có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm nên Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án được thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Cơ cấu sử dụng đất của Dự án theo Công văn số 4999/UBND-XDND ngày 31/07/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thỏa thuận điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch và Công văn số 8157/UBND-XDND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án quy hoạch, kiến trúc khu B (Sao Mai Anh Resort) thuộc Dự án Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, thành phố Nha Trang như bảng sau:

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

Stt	Chức năng sử dụng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất Bungalow	686,0	8,4
2	Đất công trình công cộng, dịch vụ	1.446,0	17,7
3	Đất cây xanh, hồ nước	3.774,46	46,2
4	Đất giao thông, hạ tầng	2.263,74	27,71
	Tổng cộng	8.170,20	100

Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy phép xây dựng số 120/GPXD-SXD ngày 29/08/2017 và UBND tỉnh Khánh Hòa thống nhất điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch tại Văn bản số 7793/UBND-XDND ngày 03/08/20220 với tổng diện tích khu đất 8.170,2 m², bao gồm các hạng mục công trình như sau:

- Bungalow nghỉ dưỡng 04 phòng:

- + Số lượng: 07 căn;
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 98 m²;
- + Tổng diện tích sàn: 202 m²;
- + Chiều cao tầng 1: +3,8 m;
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,3m.
- + Chiều cao công trình: +8,35m; Số tầng: 02 tầng
- * Tầng 1: Bố trí sảnh đón, 2 phòng nghỉ, thang bộ.
- * Tầng 2: Bố trí 2 phòng nghỉ, thang bộ, sảnh thang.

- Nhà dịch vụ:

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 370 m²;
- + Tổng diện tích sàn: 1.810,8 m²;

- + Chiều cao tầng 1: +3,5 m;
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,0 m.
- + Chiều cao công trình: +10,3 m; Số tầng: 04 tầng
- * Tầng 1: diện tích 370 m², bố trí 01 nhà hàng, kho, kho rác sinh hoạt.
- * Tầng 2: diện tích 448,17 m², bố trí 09 phòng kinh doanh lưu trú, 01 phòng kho, 01 phòng kỹ thuật và 01 kho chứa gas.
- * Tầng 3: diện tích 496,32 m², bố trí 09 phòng kinh doanh lưu trú, 01 phòng kho, 01 phòng kỹ thuật.
- * Tầng 4: diện tích 496,32 m², bố trí 09 phòng kinh doanh lưu trú, 01 phòng kho, 01 phòng kỹ thuật.

- Nhà Trung tâm:

- + Diện tích xây dựng tầng hầm: 2.856,4 m² (tăng 1.063 m² so với GPXD);
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 1.076 m²;
- + Tổng diện tích sàn: 3.423,6 m²;
- + Chiều cao tầng 1: +4,5 m;
- + Chiều cao công trình: + 10,8 m;
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,5 m;
- + Số tầng: 04 tầng (01 tầng hầm và 03 tầng nổi).
- * Tầng hầm: diện tích 2.856,4 m², bố trí 01 Nhà hàng chính, khu vực bếp, kho, 08 phòng massage, 02 phòng xông hơi khô, 02 phòng xông hơi ướt, Kidclub, văn phòng, spa, khu vực thay đồ nhân viên, phòng máy phát điện, phòng bơm, phòng giặt ủi, phòng an ninh, khu vực vệ sinh, phòng xử lý nước thải, phòng tủ trung thế và biến áp, kho rác thải nguy hại, phòng kỹ thuật, workshop.
- * Tầng 1: diện tích 1.076,0 m², bố trí khu vực sảnh Lễ tân, văn phòng, 05 phòng kinh doanh lưu trú, kho hành lý và khu vực vệ sinh.
- * Tầng 2: diện tích 1.155,9 m², bố trí 19 phòng kinh doanh lưu trú, 01 phòng kho.
- * Tầng 3: diện tích 1.191,7 m², bố trí 19 phòng kinh doanh lưu trú, 01 phòng kho.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Dự án hoạt động với loại hình kinh doanh dịch vụ công cộng, du lịch nghỉ dưỡng và lưu trú nên không có công nghệ sản xuất.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm dự án: 98 phòng nghỉ dưỡng gồm 28 phòng biệt thự và 70 phòng khách sạn.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

❖ Nguyên liệu:

Dự án cung cấp dịch vụ lưu trú nên nguyên liệu chính là thực phẩm, nước uống các loại và các vật dụng sinh hoạt.

❖ Nhiên liệu và hóa chất sử dụng:

Khối lượng nhiên liệu, hóa chất dự kiến sử dụng trong quá trình hoạt động của Dự án:

Bảng 2. Nhiên liệu, hóa chất sử dụng của Dự án

Stt	Nhiên liệu, hóa chất	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Dầu DO	Dùng cho máy phát điện dự phòng	Lít/năm	50
2	Gas	Phục vụ nấu ăn tại Dự án.	Kg/ tháng	180
3	Hóa chất Chlorine	Khử trùng tại hệ thống XLNT.	Kg/ tháng	7,5
4	Hóa chất Javel 20%	Vệ sinh màng MBR.	Lít/tháng	10
5	Muối tinh khiết	Duy trì nồng độ muối cho hồ bơi	Kg/tuần	500

(Nguồn: Công ty TNHH Sao Mai Anh, năm 2022)

❖ Nguồn điện:

Nguồn điện được lấy từ tuyến cáp ngầm 22kV trên đường Phạm Văn Đồng qua trạm biến áp, hệ thống điện để phân phối đến các điểm sử dụng.

Dự án xây dựng cáp ngầm 22kV cấp điện cho toàn bộ dự án; 01 trạm biến áp 22/0,4kV công suất 630kVA và 01 máy phát điện dự phòng tự động hoạt động sau 10 giây khi nguồn điện lưới bị mất, có công suất 630 kVA.

❖ Nguồn nước:

Nguồn nước cấp để sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày lấy từ mạng cấp nước của thành phố thông qua tuyến cấp nước khu vực trên đường Phạm Văn Đồng.

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

Stt	Mục đích sử dụng	Quy mô	Q (m ³ /ngày đêm)
I	Nước sinh hoạt		52,5
1	Khách sạn	140 người	28
2	Biệt thự	56 người	14
3	Nhà hàng và khu dịch vụ	2.718 m ²	5,4
4	Cán bộ nhân viên	150 người và 04 tài xế	5,1
II	Mục đích khác		28,1
1	Hồ bơi	200 m ³	20
2	Tưới cây và rửa đường		8,1
III	Nước dự phòng		8,1
IV	Tổng cộng		88,7

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 08/06/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của Dự án là **52,5 m³/ngày.đêm** → Tổng lượng nước thải phát sinh tối đa của Dự án bằng 100% lượng nước cấp, khoảng **52,5 m³/ngày.đêm** (Cách tính căn cứ Điều 39, Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải).

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

Dự án Sao Mai Anh Resort nằm tại Khu B – Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000623 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/05/2015 dự án có tổng diện tích 10.659,3 m², diện tích thực tế là 10.240,66 m² trong đó đất xây dựng công trình là 8.170,2 m² và đất kè đường giao thông ven biển là 2.070,86 m² (theo Công văn số 4999/UBND-XDND ngày 31/07/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thỏa thuận điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch khu B (Sao Mai Anh Resort) thuộc Dự án Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, thành phố Nha Trang). Dự án có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Phạm Văn Đồng;
- Phía Nam giáp biển;
- Phía Đông giáp Khu C – Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên;
- Phía Tây giáp nhà hàng Hải Đăng.

Tọa độ địa lý của dự án được xác định bởi các tọa độ dưới đây:

Bảng 4. Bảng kê tọa độ địa lý ranh giới dự án

Tên mốc	Hệ tọa độ VN-2000	
	X(m)	Y(m)
M1	1359859,87	606092,39
M2	1359871,74	606099,42
M3	1359866,45	606109,27
M4	1359860,71	606130,97
M5	1359860,68	606145,00
M6	1359864,96	606182,92
M7	1359867,94	606211,74
L4	1359838,98	606214,42
H10	1359797,46	606218,28
H9	1359796,99	606213,27
H8	1359794,46	606192,43
H7	1359794,24	606180,78
H6	1359796,88	606149,14
H5	1359799,95	606134,85
H4	1359819,11	606080,30
M1	1359859,87	606092,39

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án, 2017)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án Sao Mai Anh Resort của Công ty TNHH Sao Mai Anh có địa chỉ tại Khu B – Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Khu vực này hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, do vậy chưa có căn cứ để đánh giá sự phù hợp của Dự án Sao Mai Anh Resort với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Đất xây dựng công trình có diện tích **8.170,2 m²** là đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Sao Mai Anh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 410953 của UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/09/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 084492 của UBND Khánh Hòa cấp ngày 19/05/2016, với mục đích sử dụng là đất thương mại dịch vụ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Dự án không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, không nằm trong nội thành, nội thị của đô thị; không có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích sinh hoạt; không sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; không yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất và có yêu cầu di dân, tái định cư.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Trong quá trình hoạt động Dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

Nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, sau đó tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án, nếu dư mới tự chảy ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ.

❖ Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải:

Để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận, Đơn vị tư vấn đã phối hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động (COSHET) tiến hành lấy 01 mẫu nước biển ven bờ tại khu vực dự án. Kết quả phân tích mẫu được thể hiện tại bảng dưới đây:

Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước biển ven bờ

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị	QCVN (*) 10-MT:2015 /BTNMT
1	pH (26,3 ⁰ C)	–	6,52	6,5 – 8,5
2	DO	mg/l	4,82	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	12	50
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,075	0,5
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	KPH	0,3
6	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH	1,5
7	Sắt (Fe)	mg/l	0,088	0,5
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	20
9	Coliforms	MPN/100 ml	120	1.000

Ghi chú:

- *: QCVN 10-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ (vùng bãi tắm, thể thao dưới nước);

- Ngày lấy mẫu: 25/10/2022.

- Vị trí lấy mẫu (hệ tọa độ VN-2000):

+ NB: nước biển ven bờ X (m) = 1359760 ; Y (m) = 606209

Nhận xét: So sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT (vùng bãi tắm, thể thao dưới nước) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép.

❖ Tác động của việc xả thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận:

Nguồn tiếp nhận nước thải không có mối quan hệ dòng chảy với hệ thống sông suối, kênh, rạch nào nên tách biệt với các dòng chảy và thủy văn trong khu vực.

Lưu lượng nước xả thải không lớn với lưu lượng tối đa 60 m³/ngày.đêm khi dự án đi vào hoạt động, nước sau xử lý Dự án tận dụng để tưới cây trong toàn bộ khuôn viên trong vòng tròn khép kín nên lượng nước dư ra thường không có và không đáng kể. Do đó, việc xả thải của Dự án sẽ không gây ảnh hưởng tới chế độ thủy văn, dòng chảy của nguồn tiếp nhận.

❖ Tác động của việc xả nước thải ảnh hưởng đến chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh

Chất lượng nước thải sau xử lý của Dự án đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, sau đó tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án, nếu có dư mới thải ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ và lượng nước dư thường không có và không đáng kể nên việc xả nước thải ra biển không gây tác động đến hệ sinh thái thủy sinh cũng như chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

Hệ thống thu gom nước mưa của Dự án:

- Nước mưa từ tầng mái, từ ban công của các khối khách sạn, biệt thự và các khu chức năng sẽ được thu gom theo các phễu thu sàn, theo ống đứng uPVC DN80, DN100 và DN150 thoát vào các hố ga thu nước mưa ngoài tòa nhà. Nước rửa sàn và nước mưa tầng hầm sẽ được đưa về hố nước rửa sàn và bơm lên tầng 1 và thoát ra hố ga thu nước mưa ngoài khối nhà trung tâm.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ, bồn hoa,...: tạo độ dốc thoát nước để thu gom vào các hố ga và mương thu nước mưa kín của Dự án.

Hệ thống thoát nước mưa của Dự án:

- Hố ga kỹ thuật: 27 hố ga BTCT kích thước 1,0x1,0 m. Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác bám, cặn lắng.

- Công trình thoát nước BTCT đường kính D400 với chiều dài 372,2 m đổ ra công trình BTCT đường kính D600 với chiều dài 104 m hoạt động theo nguyên tắc tự chảy và độc lập với hệ thống thoát nước thải.

- Dự án chia 02 lưu vực thu nước mưa chính phía bắc và phía nam, nước mưa được thu gom bằng các tuyến công nội bộ nằm dọc theo trục sân đường và thoát ra biển thông qua 2 cửa xả công trình BTCT D600.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom và thoát nước thải:

+ Nước thải từ các khu vệ sinh, sinh hoạt tại lavabo, tắm rửa sẽ được thu gom theo các đường ống riêng uPVC có đường kính DN80, DN100, các ống thoát này được nối với ống đứng đặt trong hộp kỹ thuật để đưa nước thải từ các tầng về hố ga bên trong và tự chảy ra hệ thống thoát nước thải bên ngoài bằng đường ống

HDPE DN200, nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn dẫn về HTXLNT chung để xử lý.

+ Nước thải từ các khu bếp của Nhà hàng được thu gom bằng ống uPVC có đường kính DN80 đưa về bể tách mỡ có thể tích 5 m³ để xử lý sơ bộ, sau đó thoát về hố ga bên ngoài bằng đường ống HDPE DN200 gom về HTXLNT chung để xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt từ các bungalow và các công trình khác trong khu resort sẽ được thu gom bằng các tuyến đường ống HDPE D200 có chiều dài 226,5 m; đường ống HDPE D300 có chiều dài 104m bố trí dọc theo đường giao thông bên cạnh công trình. Sau đó, được dẫn về trạm xử lý. Nước thải được dẫn về trạm xử lý bằng phương pháp tự chảy, tận dụng tối đa độ dốc địa hình.

+ Hố ga kỹ thuật: 22 hố ga BTCT kích thước 1,0x1,0 m.

+ Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống XLNT tập trung đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt được đưa về bể chứa nước. Sau đó, lượng nước này sẽ được bơm bằng hệ thống bơm tăng áp qua đường ống HDPE DN50 có đồng hồ đo lưu lượng DN80 để tận dụng tưới cây, rửa đường trong khuôn viên Dự án, khi nước dư sẽ chảy tràn ra biển bằng đường ống uPVC DN80 chiều dài 12 m, có đồng hồ đo lưu lượng DN80 rồi chảy vào đường ống HDPE đường kính D400, chiều dài khoảng 27 m, tuy nhiên nước từ bể chứa chỉ tràn ra khi lượng nước lớn nhưng rất hiếm khi xảy ra vì lượng nước hầu như được sử dụng lại cho việc tưới cây, rửa đường trong khuôn viên.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

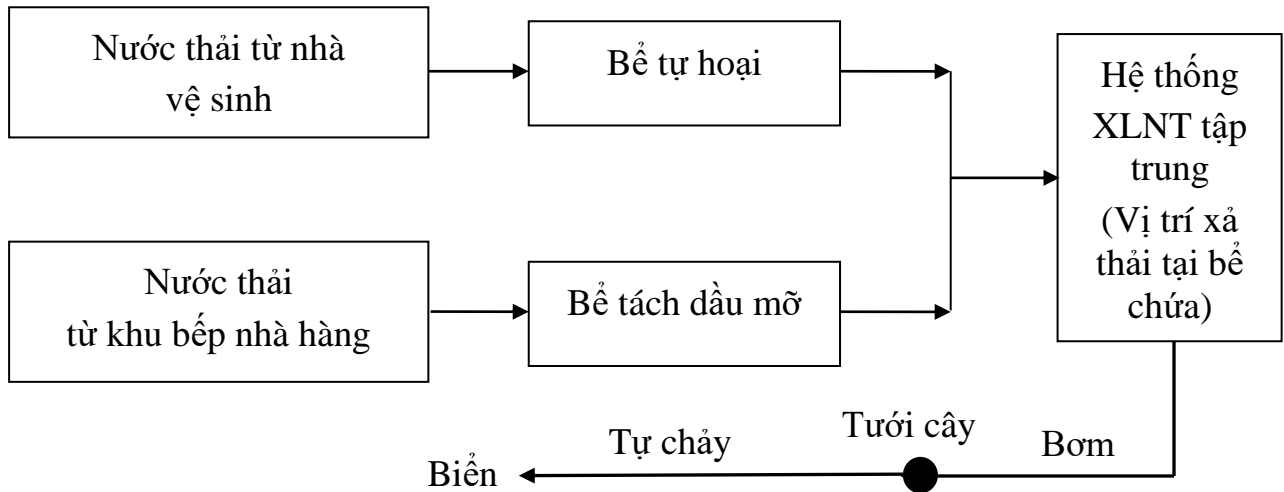
+ Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15') như sau:

Bảng 6. Tọa độ vị trí xả nước thải

Điểm xả	X (m)	Y (m)
Vị trí xả nước thải	1359821	606219
Vị trí nguồn tiếp nhận (nước biển ven bờ)	1359762	606214

+ Địa giới hành chính vị trí xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải: Khu B – Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý được đưa về bể chứa để bơm nước tưới cây trong khuôn viên dự án, lượng nước dư tràn sẽ tự chảy ra nguồn tiếp nhận là khu vực nước biển ven bờ.



Hình 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Dự án

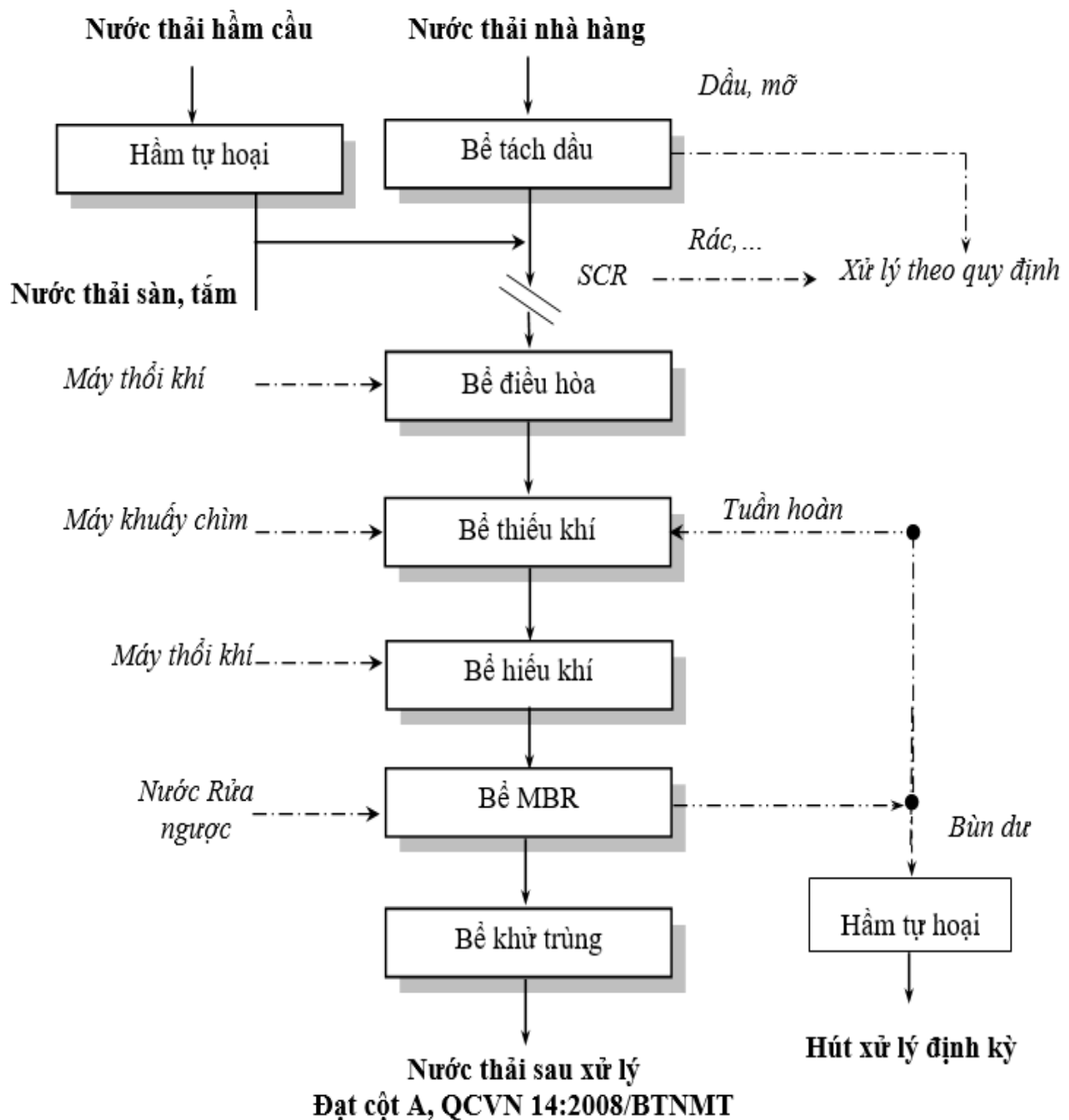
1.3. Xử lý nước thải:

Dự án đã xây dựng, lắp đặt thiết bị hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm và sẵn sàng tiếp nhận nước thải vào xử lý bởi các đơn vị:

- Đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt: Công ty TNHH Môi trường – Xây dựng Nha Trang, đã có biên bản số SMAR.NTX.NTHT.001 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 21/05/2021.

- Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH Artelia Việt Nam.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:



Hình 2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

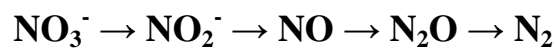
Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải:

Quá trình xử lý sơ bộ được thực hiện ở bể tự hoại 3 ngăn, bể tách mỡ và giỏ lọc rác bố trí ở **Bể điều hòa**. Quá trình này nhằm loại bỏ các chất thải rắn thô, dầu mỡ và chất béo tránh bị cuốn vào dòng thải sẽ gây hư hại hoặc làm tắc nghẽn máy bơm, máy khuấy và giảm hiệu suất của quá trình lọc màng.

Nước thải sau xử lý sơ bộ theo hệ thống đường ống dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

Bể điều hoà có tác dụng điều hoà lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải. Tại đây, nhờ được cung cấp oxy từ máy thổi khí và hệ thống phân phối khí bố trí dưới đáy bể đã thúc đẩy và tăng cường khả năng lên men hiếu khí ban đầu, đồng thời khống chế quá trình lên men yếm khí, do đó tránh được mùi hôi thối và giảm hàm lượng COD, BOD trong nước thải. Trong Bể điều hoà bố trí 02 (hai) bơm chìm hoạt động luân phiên, bơm nước sang Bể thiếu khí với lưu lượng ổn định.

Bể thiếu khí (Bể Anoxic) có nhiệm vụ xử lý Ni tơ, Phốt pho trong nước thải. Nước thải trong bể thiếu khí được khuấy trộn liên tục ở dạng kín nhờ máy khuấy đặt dưới đáy bể, tạo môi trường thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của chủng vi sinh vật thiếu khí. Trong điều kiện thiếu khí, các chủng vi sinh sẽ chuyển hóa Nitrat (NO_3^-), Nitrit (NO_2^-) thành các thể khí và sản phẩm cuối cùng là N_2 (khí Nitơ), theo phản ứng sau:



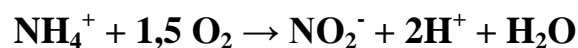
Quá trình chuyển hóa Nitrat thành khí Nitơ được gọi là quá trình khử Nitrate (Denitrification).

Bể hiếu khí (Bể oxíc) Nước thải sau đó tự chảy vào bể hiếu khí, môi trường hiếu khí được duy trì trong bể qua hệ thống đĩa phân phối khí. Tại đây, các vi sinh vật ở dạng hiếu khí (bùn hoạt tính) sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ dạng đơn giản như: CO_2 , H_2O ... theo phản ứng sau:



Trong hiếu khí quá trình đồng hóa khử Nitơ (tồn tại trong nước dưới dạng Amonia (NH_4^+)) thành nitrat (NO_3^-) xảy ra đồng thời với quá trình khử BOD trong bể. Amonia (NH_4^+) bị oxy hóa theo 2 bước:

Bước 1: NH_4^+ bị oxy hóa thành NO_2^- do tác động của vi khuẩn nitrosomonas theo phản ứng:



Bước 2: Oxy hóa NO_2^- thành NO_3^- do tác động của vi khuẩn nitrobacter theo phản ứng:



Nước thải sau khi được xử lý tại bể hiếu khí tự chảy qua bể MBR, trong bể MBR sử dụng tổng cộng 3 module màng.

Bể lọc màng MBR được lắp đặt thành module với kích thước lỗ lọc là $0,03\mu\text{m}$. Tại đây diễn ra quá trình phân tách giữa nước sạch và hỗn hợp bùn hoạt tính, các chất rắn lơ lửng và vi khuẩn gây bệnh.

Một lượng hỗn hợp bùn và nước tại bể MBR sẽ được bơm tuần hoàn về bể thiếu khí và bể hiếu khí.

Phần nước sạch sau xử lý theo hệ thống thoát nước dẫn ra hồ hoàn thiện trước khi thải ra nguồn tiếp nhận đạt cột A, QCVN 14-2008/BTNMT.

CÔNG NGHỆ MÀNG TRONG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Lọc màng là một xu hướng công nghệ mới được phát triển và ứng dụng vào cuối thế kỷ XX. Các quá trình cũng có thể phân loại theo nhiều cách khác nhau như dựa vào chất liệu màng, áp lực vận hành, cơ chế ngăn tách và kích thước các lỗ màng ngăn tách. Màng với kích thước lỗ màng $0,03\mu\text{m}$ có khả năng loại trừ các thành phần hòa tan có kích thước phân tử lớn hơn.

Công nghệ màng (MBR) sử dụng màng dạng tấm và nước chảy từ ngoài vào trong với chi phí năng lượng thấp. Nước thẩm thấu từ ngoài vào trong sau đó đi ra khỏi cột màng bằng ống thu nước phía trên và phía dưới cột màng. Với kích thước lỗ màng là $0,03\mu\text{m}$, màng có thể tách các chất rắn lơ lửng, hạt keo, vi khuẩn, một số virus và các phân tử hữu cơ kích thước lớn.

Ưu điểm của công nghệ màng:

Với kích thước lỗ màng là $0,03\mu\text{m}$, màng MBR có thể tách các chất rắn lơ lửng, hạt keo, vi khuẩn, một số virus và các phân tử hữu cơ có kích thước lớn. Do đó, quá trình MBR không cần sử dụng bể lắng bùn sinh học, bồn lọc áp lực phía sau → giảm được diện tích xây dựng và không quan tâm đến việc kiểm soát cặn lơ lửng trong nước đầu ra.

Thời gian lưu nước trong bể ngắn hơn so với bể sinh học thông thường → Giảm diện tích đất cần thiết.

- Chất lượng nước sau xử lý luôn luôn được đảm bảo tốt nhất mà không cần quan tâm trong nước thải đầu ra chứa bùn hoạt tính lơ lửng, các vi sinh vật gây bệnh và kiểm soát Clo dư.

- Nước sau xử lý màng MBR có lượng chất rắn thấp ($<5\text{ mg/l}$), BOD_5 và COD thấp, do đó nước thải có thể được tái sử dụng cho các mục đích khác nhau: Giải nhiệt, tưới cây, rửa đường, dội rửa toilet, ... → tiết kiệm chi phí đầu tư cho các hạng mục khác.

- Quá trình vận hành đơn giản và dễ dàng hơn so với quá trình thông thường. MBR có thể điều chỉnh hoàn toàn tự động trong quá trình vận hành, không cần phải đo các chỉ số SVI hàng ngày (đây là chỉ số rất quan trọng đối với quá trình thông thường) → ít tổn nhân công vận hành.

- Nếu có nhu cầu tăng công suất hệ thống xử lý chỉ cần cung cấp thêm các tấm màng.

Với công nghệ xử lý sinh học kết hợp màng lọc (MBR) chúng tôi đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt.

Ở **Bể khử trùng**, nước thải sau khi qua bể MBR tiếp xúc với hóa chất khử trùng và xảy ra quá trình diệt khuẩn tại bể khử trùng. Hóa chất khử trùng được đưa vào bể nhờ bơm định lượng với lưu lượng thích hợp. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt sau đó tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án, nếu dư sẽ thoát ra biển.

Kích thước các bể xử lý trong hệ thống XLNT như bảng sau:

Bảng 7. Bảng kích thước cụm bể xử lý nước thải

Stt	Tên công trình	Chiều cao (m)	Thể tích xây dựng (m ³)
1	Bể tiếp nhận	2,3	4,8
2	Bể tự hoại	2	35,7
3	Bể điều hoà	2	38,4
4	Bể thiếu khí	2	19
5	Bể hiếu khí	2	25,8
6	Bể MBR	3	8,9
7	Bể khử trùng và bể chứa nước sau xử lý	2	6,4

Danh mục các máy móc thiết trong hệ thống XLNT như bảng sau:

Bảng 8. Bảng danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

Stt	Tên thiết bị công trình	Đơn vị	Khối lượng
	BỂ TIẾP NHẬN		
1	Song chắn rác Vật liệu : SS304 Kích thước khe hở: 5mm	Cái	1
2	Bơm nước thải chìm Model: 50B2.4 - Q = 6 m ³ /h; H = 7 m. - Nhiệt độ chất bơm: 0 ~ 40°C. - Đường kính ống ra: DN50 - Điện áp: 3pha, 2 cực, 380V, 50Hz, 0.4kW Nhà sản xuất: TSURUMI - JAPAN	Cái	2
3	Phụ kiện bơm chìm: - Model : TOS3-50 - Xuất xứ: Envitech - Việt Nam	Cái	2
4	Phao công tắc Cáp phao dài 5m, xử lý Epoxy HCP – Đài Loan	Bộ	2
	BỂ ĐIỀU HÒA		
1	Song chắn rác Vật liệu : SS304 Kích thước khe hở: 2mm	Cái	1
2	Bơm nước thải chìm Model: 40PU2.15 - Q = 3 m ³ /h; H = 4 m. - Đường kính ống ra: DN40 (40A) - Điện áp: 3pha, 2 cực, 380V, 50Hz, 0.4kW Nhà sản xuất: TSURUMI - JAPAN	Cái	2
3	Phụ kiện bơm chìm: - Model : TOK4-P - Xuất xứ: TSURUMI - JAPAN	Cái	2
4	Phao công tắc Cáp phao dài 5m, xử lý Epoxy HCP – Đài Loan	Bộ	2

Stt	Tên thiết bị công trình	Đơn vị	Khối lượng
5	Hệ thống đĩa khuấy tán khí Kiểu đĩa, bọt thô; Lưu lượng: 0 - 13m ³ /h Đầu nổi ren 27mm Xuất xứ: USA	Cái	6
	BỂ THIẾU KHÍ		
6	Máy khuấy trộn chìm Model: MR21NF250 - Q= 2,5m ³ /phút; - Đường kính cánh khuấy: 155 mm - Vận tốc: 1445 rpm - Động cơ: 0.25kW, 4 cực, 3 pha, 380V, 50Hz - Nhà sản xuất: TSURUMI - JAPAN	Bộ	2
	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ VÀ MBR		
1	Máy thổi khí Model: RSS-80 - Kiểu máy thổi khí : Root blower - 3-blade - Lưu lượng : 3,4 m ³ /min; Áp lực : 3,5m - Đường kính ống ra : DN65 - Điện áp : 3Pha/380v/50Hz/ 4kW - Nhà sản xuất: TSURUMI - JAPAN	Cái	2
2	Đĩa phân phối khí 12" Loại: Diffuse dạng đĩa tinh Vật liệu: Cao su-PVC Lưu lượng khí: 0 – 16 m ³ N/h Xuất xứ: USA	Cái	19
3	Bơm nước thải chìm Model: 40PU2.15 - Q = 3 m ³ /h @ H = 4 m. - Nhiệt độ chất bơm: 0 ~ 40oC. - Đường kính ống ra: DN40 (40A) - Điện áp: 3pha, 2 cực, 380V, 50Hz, 0.4kW Nhà sản xuất: TSURUMI - JAPAN	Cái	2
4	Màng MBR dạng sợi rỗng (Hollow Fiber) Hãng sản xuất: KOCH - USA • Vật liệu màng: PVDF • Kích thước màng: 828 x 2319 x 92mm • Diện tích màng : 41m ² /tấm	Tấm	3

Stt	Tên thiết bị công trình	Đơn vị	Khối lượng
	<ul style="list-style-type: none"> • Lưu lượng trung bình: 15,5 - 31 m³/tắm/ngày • Đường kính sợi màng OD: 2.6mm • Lưu lượng sục khí thiết kế: 0,1-0,2 m³ khí/tắm/phút. 		
	Module cho 03 tắm + Vật liệu: Inox 304 + Kích thước khoảng: 900 x 350 x 2300mm	bộ	1
5	Bơm Ly Tâm Tự Môi (bơm hút) Xuất xứ: Matra – Italy Model: Tt 100 - Lưu lượng: 4,8 m ³ /giờ - Cột áp: 18 mH ₂ O - Điện: 0,74kW/400V/50Hz	Cái	2
6	Bơm Ly Tâm Tự Môi (bơm rửa) Xuất xứ: Matra – Italy Model: Tt 100 - Lưu lượng: 4,8 m ³ /giờ - Cột áp: 18 mH ₂ O - Điện: 0,74kW/400V/50Hz	Cái	1
7	Bồn chứa nước rửa màng Xuất xứ: Việt Nam Đặc tính kỹ thuật: +Vật liệu: Nhựa tổng hợp + Thể tích: 500 lít	Cái	1
8	Phao công tắc Cáp phao dài 5m, xử lý Epoxy HCP – Đài Loan	Bộ	2
BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU XL			
1	Bồn chứa hóa chất V = 500 lít Vật liệu PVC – Việt Nam	Cái	1
2	Bơm định lượng chất khử trùng C6250P Q = 50lít/h, H =7m, 45W, 1pha/220/50Hz Blue White, USA	Cái	2

Stt	Tên thiết bị công trình	Đơn vị	Khối lượng
3	Bơm nước thải chìm Model: 50B2.4 - Q = 6 m ³ /h @ H = 7 m. - Nhiệt độ chất bơm: 0 ~ 40°C. - Đường kính ống ra: DN50 - Điện áp: 3pha, 2 cực, 380V, 50Hz, 0.4kW Nhà sản xuất: TSURUMI - JAPAN	Cái	2
4	Phụ kiện bơm chìm: - Model : TOS3-50 - Xuất xứ: Envitech - Việt Nam	Cái	2
5	Phao công tắc SJE Cáp phao dài 5m, xử lý Epoxy HCP – Đài Loan	Cái	2
HỆ THỐNG KHỬ MÙI			
1	Quạt hút mùi Model: CPL 1-2,5D - Lưu lượng: 700 - 1000 m ³ /h - 0,75kW/380V/50Hz	Bộ	2
2	Tháp khử mùi - Kích thước : D x H = 0,8m x 2m - Vật liệu thép dày 3mm, sơn Epoxy chống gỉ	Cái	1

(Nguồn: Thuyết minh kỹ thuật công nghệ xử lý nước thải của Công ty TNHH Môi trường – Xây dựng Nha Trang Xanh)

Định mức tiêu hao hóa chất sử dụng:

Lưu lượng nước thải tối đa là 60 m³/ ngày, lượng hóa chất Chlorine 70% là 257 g/ lần tương ứng 400 lít nước/ ngày (lượng hóa chất khử trùng cần thiết 3-5 g/m³, bơm định lượng 20 lít/ h).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Không có.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Dự án hoạt động phát sinh chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt của khách lưu trú và cán bộ công nhân viên. Số lượng người tối đa tại Dự án là 336 người; Ước tính lượng rác sinh hoạt thải ra tối đa khoảng: 336 người x 1,3 kg/người.ngày =

436,8 kg/ngày (Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2010/BXD, mỗi người thải ra khoảng 1,3 kg/người.ngày).

Các loại chất thải sinh hoạt phát sinh tại các khu vực trong Dự án sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom và mang đến kho chứa chất thải sinh hoạt. Việc thu gom rác được thực hiện 01 lần/ngày vào các thời điểm thích hợp để hạn chế gây mùi và mất mỹ quan, hoặc phát sinh trong ngày tùy thuộc số lượng khách lưu trú.

- Thiết bị lưu chứa và thông số kỹ thuật:

+ Mỗi phòng khách sạn, biệt thự đặt 02 thùng đựng rác nhỏ 12 lít, với số lượng 91 phòng x 2 thùng/ phòng = 182 thùng rác 12 lít có nắp đậy. Các khu vực còn lại như lễ tân, nhà hàng, hành lang,...: đặt khoảng 20 thùng rác loại 30 lít. Rác thải sinh hoạt này sẽ được thu gom và lưu trữ hợp vệ sinh trong 2 thùng loại 660 lít có nắp đậy đặt tại Kho rác khô có diện tích 3 m², nền lát gạch men; tường ốp gạch men có vị trí tại khu nhà dịch vụ của dự án.

+ Khu vực nấu ăn của nhà hàng bố trí các thùng rác hữu cơ dung tích 30 – 60 lít chứa rác thực phẩm và rác hữu cơ dễ phân hủy. Rác hữu cơ sẽ được thu gom và lưu trữ hợp vệ sinh tại Kho rác ướt có diện tích 11,5 m², nền lát gạch men; tường ốp gạch men có vị trí tại khu nhà dịch vụ của dự án.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình 01 năm từ sinh hoạt văn phòng và bảo dưỡng các thiết bị máy móc tại Dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 9. Bảng chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng trong 1 năm (kg)	Ghi chú
1	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	2,0	
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2,0	
3	Các linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải khác	16 01 13	1,0	
4	Dầu nhớt thải	17 02 03	5,0	

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng trong 1 năm (kg)	Ghi chú
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2,0	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	1,0	
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	1,0	
	Tổng số lượng		14,0	

- Thiết bị lưu chứa: Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải nguy hại, có gia cố, thiết kế tránh rò rỉ chất thải; kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng; có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại, kích thước 30cm mỗi chiều.

- Khu vực lưu chứa: Kho chất thải nguy hại gần vị trí phòng xử lý nước thải.

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 14,3 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: có cửa, nền lát gạch men; tường ốp gạch men, có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường.

Chủ Dự án sẽ ký kết hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định pháp luật.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Không có.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình hoạt động:

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngừng hoạt động sẽ nhanh chóng khắc phục ngay, các bể xử lý tại các công đoạn đều được tính toán dự phòng. Do vậy khi hệ thống gặp sự cố nước thải được chứa tạm thời tại các bể xử lý. Khi khắc phục xong sẽ bơm ngược lại xử lý đạt Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Tuyển kỹ thuật có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị, bảo trì và vận hành hệ thống đúng hướng dẫn cũng như quy trình.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng các thiết bị để nhanh chóng khôi phục hoạt động.

- Trường hợp mất điện lưới: khi điện lưới mất, lập tức máy phát điện dự phòng phục để hệ thống vận hành bình thường.

- Sử dụng 02 bơm (01 hoạt động + 01 dự phòng) luân phiên hoạt động để đề phòng trường hợp bơm bị hư hỏng.

Trong trường hợp không thể khắc phục các hư hỏng, sự cố xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải, thông báo cho các cơ quan chức năng để được hướng dẫn phương án xử lý kịp thời.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có);

Dự án không có các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Dự án không thuộc trường hợp có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường:

Bảng 10. Bảng các nội dung thay đổi của dự án so với quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường

Tên hạng mục/ nội dung thay đổi	Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Điều chỉnh, thay đổi
Hạng mục công trình Nhà Trung tâm (Nội dung đã được hướng dẫn tại Văn bản 4675/STNMT-CCBVMТ ngày 03/11/2020 của Sở TNMT Khánh Hòa)	Diện tích tầng hầm 1.793,4 m ²	Diện tích tầng hầm 2.856,4 m ² , tầng thêm 1.063 m ² Phương án kiến trúc điều chỉnh đã được UBND tỉnh thống nhất tại công văn số 7793/UBND-NDND ngày 03/8/2020.
Số lượng phòng kinh doanh (Nội dung đã được hướng dẫn tại Văn bản 4675/STNMT-CCBVMТ ngày 03/11/2020 của Sở TNMT Khánh Hòa)	91 phòng gồm 28 phòng biệt thự và 62 phòng khách sạn.	98 phòng gồm 28 phòng biệt thự và 70 phòng khách sạn.
Hệ thống xử lý nước thải (Nội dung đã được hướng dẫn tại Văn bản 4675/STNMT-CCBVMТ ngày 03/11/2020 của Sở TNMT Khánh Hòa)	- Công suất 50 m ³ /ngày đêm	- Công suất 60 m ³ /ngày.đêm, tăng thêm 10m ³ / ngày.đêm để đảm bảo xử lý triệt để lượng nước thải phát sinh tại Dự án.

Tên hạng mục/ nội dung thay đổi	Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Điều chỉnh, thay đổi
Chất thải nguy hại	Các loại CTNH phát sinh: Bóng đèn neon hồng; Pin, ắc quy thải; Dầu thải từ máy móc thiết bị; Giẻ lau, giấy lót, bao tay dính dầu, dung môi mực in; Hộp mực in, máy photocopy, máy fax, máy in.	Thay đổi các loại CTNH phát sinh tại Dự án: Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại; Các linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải khác; Pin, ắc quy thải; Dầu nhớt thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn; Bao bì cứng thải bằng nhựa.

Các nội dung còn lại không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 08/06/2017.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh.
 - + Nguồn số 2: Nước thải từ khu bếp của Nhà hàng.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 60 m³/ ngày.đêm
- Dòng nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt sau đó tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án, nếu dư sẽ thoát ra biển.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối hạn	
			QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (Cột B1)
1	pH	-	5 - 9	5,5 – 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	15
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	-
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	-
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	0,9
7	Nitrat (Tính theo N)	mg/l	30	10
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	1
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	0,4
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (Tính theo P)	mg/l	6	0,3

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối hạn	
			QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (Cột B1)
11	Tổng Coliforms	MPN /100ml	3.000	7.500

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15') như sau:

Bảng 11. Tọa độ vị trí xả nước thải

Điểm xả	X (m)	Y (m)
Vị trí xả nước thải	1359821	606219
Vị trí nguồn tiếp nhận (nước biển ven bờ)	1359762	606214

+ Địa giới hành chính vị trí xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải: Khu B – Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả thải: Liên tục.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý được đưa về bể chứa nước để bơm nước tưới cây trong khuôn viên dự án, lượng nước dư tràn sẽ tự chảy ra nguồn tiếp nhận là khu vực nước biển ven bờ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Không có.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):

Không có.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

Không có.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 12. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Tên công trình	Công suất	Chất lượng sau xử lý	Thời gian bắt đầu CHTN	Thời gian kết thúc VHTN
Hệ thống xử lý nước thải	60 m ³ /giờ	Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT.	01/12/2022	15/01/2023

Công suất dự kiến đạt được của Hệ thống xử lý nước thải tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm khoảng 60 - 70% tổng công suất của công trình.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 22, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Trên cơ sở đó, chủ dự án lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 13. Chương trình vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ ngày.đêm của Dự án

Stt	Vị trí lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn đầu ra
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả hệ thống xử lý nước thải				
1	Nước thải sau xử lý tại bể chứa nước.	01 mẫu đơn	03 lần (15 ngày/lần)	pH, BOD ₅ , TDS, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform, sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) và QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1
II	Giai đoạn vận hành ổn định				
1	Nước thải sau xử lý tại bể chứa nước.	01 mẫu đơn	03 lần (01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp)	pH, BOD ₅ , TDS, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform, sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) và QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Tên đơn vị: Trung tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao động (Vincert 026).

Địa chỉ: 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

Chủ dự án đề xuất chương trình quan trắc môi trường tại Dự án để theo dõi hiệu quả xử lý của Hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí sau xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TDS, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform, sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt.

- Tần suất giám sát: 01 năm/ lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột A QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 14. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Stt	Nội dung quan trắc	Số lượng (mẫu/ lần)	Tần suất lấy mẫu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nước thải	01	01	2.000.000	2.000.000
2	Công lấy mẫu, đi lại, báo cáo	01	01	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng					5.000.000

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết thực hiện trong quá trình hoạt động như sau:

- Cam kết thực hiện theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020 và các quy định pháp luật khác về bảo vệ môi trường có liên quan sau khi Giấy phép môi trường được cấp.

- Cam kết sẽ không gây bất kỳ hoạt động nào khác có khả năng dẫn đến ô nhiễm các thành phần môi trường như đất, nước, không khí, sinh vật và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế, xã hội tại địa phương.

- Cam kết những thông tin, số liệu nêu trong báo cáo là chính xác, trung thực.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo.

- Cam kết xử lý các chất thải do hoạt động của Dự án khi thải ra môi trường đảm bảo các quy chuẩn hiện hành, cụ thể:

+ Nước thải: Đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14: 2008/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện biện pháp phân loại rác tại nguồn, thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có giấy phép phù hợp theo quy định đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu an toàn vệ sinh môi trường.

+ Chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ tiến hành phân định, phân loại, thu gom, lưu trữ và chuyển giao theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Cam kết định kỳ gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm trước ngày 05 tháng 01 về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

- Cam kết phòng chống cháy nổ trong suốt thời gian hoạt động.

- Cam kết đảm bảo kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường; cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các rủi ro, sự cố môi trường xảy ra.

- Cam kết quản lý, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông khu vực xung quanh Dự án và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết phát sinh như: an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với GPMT đã được duyệt, Chủ dự án sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản có chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200284282 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/09/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 01/07/2021.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000623 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/05/2015.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 410953 của UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/09/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 084492 của UBND Khánh Hòa cấp ngày 19/05/2016.

- Công văn số 4999/UBND-XDND ngày 31/07/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thỏa thuận điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch khu B (Sao Mai Anh Resort) thuộc Dự án Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, thành phố Nha Trang.

- Công văn số 8157/UBND-XDND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án quy hoạch, kiến trúc khu B (Sao Mai Anh Resort) thuộc Dự án Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, thành phố Nha Trang.

- Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 08/06/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Sao Mai Anh Resort” tại Khu B - Khu dịch vụ, du lịch và thể thao Hồ Tiên, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Giấy phép xây dựng số 120/GPXD-SXD ngày 29/08/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp.

- Văn bản số 3077/SXD-KTQH ngày 22/09/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế dự án(điều chỉnh) dự án Sao Mai Anh resort, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang.

- Văn bản số 4675/STNMT-CCBVM ngày 03/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về việc xin điều chỉnh một số nội dung so với hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sao Mai Anh Resort”.

+ Văn bản số 4123/SXD-KTQH ngày 02/12/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) và đánh giá điều kiện để miễn giấy phép xây dựng công trình Nhà trung tâm thuộc dự án Sao Mai Anh resort, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang.

- Văn bản số 241/NT-PCCC ngày 25/02/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an tỉnh Khánh Hòa về việc chấp nhận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy.

- Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom và thoát nước mưa; nước thải.

- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao hệ thống xử lý nước thải;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;

- Phiếu phân tích kết quả nguồn nước tiếp nhận.